

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/3/2025

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Thường

Ông Trần Văn Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201 /2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc Á, sinh năm 1991;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: K, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: 9813133 M, S, I, I, 3-7-10, D1, Nhật Bản; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: K, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: 24 coodanup Dr. C WA. 6210, Australia; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị P, sinh năm 1978;

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền (có xác nhận của Đ1 tại Nhật Bản), nguyên đơn chị Trần Ngọc Á trình bày:

Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình quan điểm sống không hợp nhau. Đến tháng 12/2013 chị Á và anh T đã sống ly thân. Tháng 12/2020 chị Á đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn T có 01 con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 13/11/2012. Nếu ly hôn, chị thống nhất với ý kiến của anh T là để anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Ngọc Á hiện đang cư trú và làm việc tại Nhật Bản, không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị ủy quyền cho anh Nguyễn Quang T1, sinh năm 2001; Địa chỉ: xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, tài liệu, tạm ứng án phí và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai, đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền (có chứng thực của T4 tại Australia), bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh thừa nhận thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Trần Ngọc Á trình bày. Hiện nay anh và chị Á đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Á khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Ngọc Á có 01 con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 13/11/2012. Nếu ly hôn, anh thống nhất với ý kiến của chị Á là để chị Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn T hiện đang cư trú và làm việc tại Australia, không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh ủy quyền cho

chị Kim Thị D, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An nộp bản tự khai. Đồng thời anh có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Theo đơn của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T2 trình bày:

Ngày 02 tháng 7 năm 2012, em trai chị là anh Trần Văn T và chị Trần Ngọc Á kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 13/11/2012. Năm 2020, chị Á đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản đến nay chưa về. Đến năm 2021, anh T cũng đi làm ăn ở S và đã gửi cháu Trần Gia B cho chị gái trực tiếp nuôi dưỡng từ đó đến nay. Hiện nay, chị Á có đơn ly hôn anh T tại Tòa án và vợ chồng thỏa thuận anh T là người trực tiếp nuôi con chung. Do anh T đang ở nước ngoài nên nhờ bà chăm sóc cháu B cho đến khi anh T về Việt Nam thì bà đồng ý. Đồng thời, chị cũng không yêu cầu anh T và chị Á phải trả tiền công nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Do bận công việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Ngọc Á hiện đang cư trú tại nước Nhật Bản đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T hiện đang cư trú tại S; trước xuất cảnh, chị Á và anh T đều có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì chị Trần Ngọc Á và anh Trần Văn T không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và các đương sự đề nghị không tiến hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Ngọc Á và bị đơn anh Trần Văn T người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Phương Đ đề

ng nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc Á và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện H, tỉnh Nghệ An vào ngày 02 tháng 7 năm 2012, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tháng 12/2013, chị Á và anh T đã sống ly thân. Đến tháng 12 năm 2020, chị Á đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Trần Ngọc Á và anh Trần Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Ngọc Á yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Trần Ngọc Á và anh Trần Văn T có 01 con chung. Nay ly hôn, chị Á và anh T thỏa thuận: Anh Trần Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Gia B, sinh ngày 13/11/2012 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do anh T đang ở nước ngoài nên chị Trần Thị P (chị gái của anh T) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Gia B cho đến khi anh T về Việt Nam với cháu B.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Chị Trần Ngọc Á, anh Trần Văn T, và chị Trần Thị Phương T3 thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 104 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Chị Trần Ngọc Á và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn.

[5]. Về án phí: Chị Trần Ngọc Á và anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban T5 về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc Á và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Chị Trần Ngọc Á và anh Trần Văn T có 01 con chung;

Ghi nhận anh Trần Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Gia B, sinh ngày 13/11/2012 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do anh T đang ở nước ngoài nên chị Trần Thị P (chị gái của anh T) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Gia B cho đến khi anh T về Việt Nam với cháu B.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Chị Trần Ngọc Á, anh Trần Văn T và chị Trần Thị Phương T3 thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Trần Ngọc Á có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Ngọc Á và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Trần Ngọc Á phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Á đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013582 ngày 29/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Trả lại cho chị Á số tiền tạm ứng án phí 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Anh Trần Văn T phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. (anh T chưa nộp).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Ngọc Á và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp

lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chi Trần Thị P có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND thị trấn Hương Khê, h. Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đoàn Thị Kiều Hương